

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HSST
Ngày 26/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Liên, ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với:

- Bị cáo Lương Ngọc T, sinh năm 1989, tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn L, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lương Văn T và bà Nguyễn Thị M; vợ: Trương Thị Q (đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023 chuyển áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Trần Lệ Q1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn L, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ Công văn báo cáo số 29 ngày 16/12/2023 của Công an xã M, thị xã D về việc chị Trần Lệ Q1 - SN 1983 ở thôn L, xã M, thị xã D có vay tiền với lãi suất cao của đối tượng Lương Ngọc T - SN 1989 ở thôn L, xã M, thị xã D, Ngày 19/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã tiến hành triệu tập Lương Ngọc T và chị Trần Lệ Q1 đến trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra xác định được Lương Ngọc T đã cho chị Trần Lệ Q1 vay tiền như sau:

Do có nhu cầu vay tiền để làm ăn và biết được Lương Ngọc T ở cùng thôn L, xã M, thị xã D có cho vay tiền nên ngày 24/4/2023, chị Trần Lệ Q1 đến nhà gặp

T đề hỏi vay tiền. Khi gặp T, chị Q1 đặt vấn đề hỏi “*T ơi, em có tiền không cho chị vay để làm ăn*”, T trả lời “*Chị vay bao nhiêu?*”, chị Q1 nói “*Cho chị vay 100.000.000đ*”. T đồng ý và nói với chị Q1 nếu chị vay thì tiền lãi hàng tháng là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tức là mỗi tháng chị Q1 sẽ phải trả cho T số tiền lãi là 9.000.000đ. Chị Q1 đồng ý, sau đó T lấy số tiền 100.000.000đ đưa cho chị Q1 vay rồi đọc cho chị Q1 số tài khoản ngân hàng 0901000099518 Vietcombank để hàng tháng chị Q1 chuyển trả tiền lãi vào tài khoản của Lương Ngọc T.

Quá trình điều tra xác định chị Q1 đã trả tổng số tiền lãi là 54.000.000đ (tương ứng tiền lãi của 06 tháng) cho T như sau:

- Ngày 26/4/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 8.000.000đ và trả tiền mặt là 1.000.000đ.

- Ngày 27/5/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 3.000.000đ và trả tiền mặt là 6.000.000đ

- Ngày 28/6/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 1.980.000đ, số tiền còn thiếu chị Q1 hẹn trả sau.

- Ngày 09/7/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 5.000.000đ; ngày 20/7/2023, Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 3.000.000đ và trả tiền mặt là 1.000.000đ.

- Ngày 01/8/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 2.000.000đ; ngày 08/8/2023 chị Q1 chuyển vào tài khoản T số tiền lãi là 13.000.000đ. Như vậy, chị Q1 trả tiền lãi của tháng 8 là 9.000.000đ và tiền lãi của của tháng 6 là 6.000.000đ, còn 1.020.000đ, chị Q1 trả T bằng tiền mặt.

- Ngày 02/9/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 2.030.000đ; ngày 27/9/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 3.040.000đ; ngày 29/9/2023, chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền lãi là 3.540.000đ, còn số tiền 390.000đ, chị Q1 trả T bằng tiền mặt.

Các lần chuyển tiền qua tài khoản cho Lương Ngọc T, chị Q1 đều sử dụng số tài khoản 1018581096 tại ngân hàng Vietcombank đứng tên chủ tài khoản Trần Lệ Q1.

Sau đó, do kinh tế khó khăn nên chị Q1 xin không trả tiền lãi nữa, T đồng ý. Số tiền gốc 100.000.000đ, chị Q1 chưa trả cho T.

Tang vật thu giữ: Thu giữ của Lương Ngọc T 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01.

T hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Ngọc T tại thôn Lảnh Trì, xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã T hành khai thác chiếc điện thoại Iphone 11 Promax thu giữ của T nhưng không phát hiện liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với số tiền 100.000.000đ T cho chị Q1 vay: T khai nhận do lao động mà có.

Đối với chiếc điện thoại Samsung lắp số thuê bao 0975.535.116 dùng để liên kết với tài khoản ngân hàng 0901000099518 để nhận tiền lãi của chị Q1: T khai nhận đã bị rơi mất nên không có căn cứ xác minh, thu giữ.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên có công văn gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nam (Vietcombank) đề nghị cung cấp chủ sở hữu của các số tài khoản 0901000099518 và 1018581096 và sao kê các giao dịch phát sinh từ ngày 01/4/2023 đến ngày 19/12/2023.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nam có công văn trả lời như sau: Số tài khoản 0901000099518 chủ tài khoản là Lương Ngọc T - SN 1989 ở thôn L, xã M thị xã D, tỉnh Hà Nam. Số tài khoản 1018581096 chủ tài khoản là Trần Lệ Q1 - SN 1983 ở thôn L, xã M thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Đồng thời xác định: Ngày 26/4/2023 tài khoản Trần Lệ Q1 chuyển đến tài khoản Lương Ngọc T số tiền 8.000.000đ. Ngày 27/5/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 3.000.000đ. Ngày 28/6/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 1.980.000đ. Ngày 09/7/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 5.000.000đ. Ngày 20/7/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 3.000.000đ. Ngày 01/8/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 2.000.000đ. Ngày 08/8/2023 tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản T số tiền 13.000.000đ. Ngày 02/9/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 2.030.000đ. Ngày 27/9/2023, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 3.040.000đ. Ngày **29/9/2023**, tài khoản của chị Q1 chuyển vào tài khoản của T số tiền 3.540.000đ.

Như vậy, lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với lần vay trên tương ứng với **06 tháng là 9.999.000** đồng. Số tiền T thu lợi bất chính của chị Q1 là $54.000.000 - 9.999.000 = \mathbf{44.001.000}$ đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Q1 có quan điểm, đề nghị xử lý số tiền lãi chị Q1 đã trả cho T theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 33/CT-VKS - DT ngày 10/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được đối trừ số ngày đã bị tạm giữ; khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng từ 400.000đ đến 480.000đ; phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Bị cáo Lương Ngọc T xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng, phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lời bất chính, ngày 24/4/2023 tại thôn L, xã M, thị xã D, Lương Ngọc T đã cho chị Trần Lệ Q1 vay số tiền 100.000.000đ, với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương lãi suất 108%/năm (vượt quá 05 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), tính thời điểm từ tháng 4/2023 đến tháng 10/2023 (06 tháng), đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **44.001.000 đồng**.

Hành vi nêu trên của Lương Ngọc T gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay làm cho người vay phải chịu mức lãi suất cao so với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo mang tính chất bóc lột làm cho người vay đã khó khăn càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ nhận định trên căn cứ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ ấn định mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại Iphone 11 Promax là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền gốc Lương Ngọc T đã sử dụng cho chị Trần Lệ Q1 vay là phương tiện phạm tội, hiện nay chị Q1 vẫn là người đang quản lý cần truy thu khoản tiền gốc chị Trần Lệ Q1 đang quản lý: 100.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Đối với tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là: 9.999.000 đồng có được do hành vi phạm tội, số tiền này bị cáo đã thu của chị Trần Lệ Q1 vì thế cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền Lương Ngọc T thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng 44.001.000 đồng cần truy thu của bị cáo để trả lại cho chị Trần Lệ Q1.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Ngọc T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Lương Ngọc T 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 27 ngày (quy đổi từ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023), bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lương Ngọc T cho UBND xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án bị cáo phải thực hiện quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

* Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Lương Ngọc T trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, mỗi tháng 450.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

* Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Lương Ngọc T: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng, tài sản tạm giữ và biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Lương Ngọc T: 01 điện thoại Iphone 11 Promax.

Truy thu tiền gốc chị Trần Lệ Q1 đang quản lý: 100.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với bị cáo Lương Ngọc T những khoản sau: Số tiền 9.999.000 đồng để sung ngân sách nhà nước và số tiền 44.001.000 đồng để trả lại cho chị Trần Lệ Q1.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội buộc bị cáo Lương Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi